

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/DS-ST

Ngày 17-7-2023

“*V/v tranh chấp kiện đòi tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hải Bằng.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Định và ông Hoàng Sỹ Quang.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Công - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:
Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc K đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mạc Thị N, sinh năm 1948; Địa chỉ: Thôn D, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Mạc Thị N1, sinh năm 1966; Địa chỉ: Xóm A, thôn V, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Phạm Thị H, sinh năm 1987; Địa chỉ: Xóm A, thôn V, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

3.2. Chị Lê Thị N2, sinh năm 1974; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn D, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương. Hiện chị N2 đang sinh sống tại Cộng Hòa S.

3.3. Anh Lê Văn M, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn D, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

3.4. Anh Lê Văn T, sinh năm 1979; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn D, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương. Hiện anh T đang sinh sống tại Cộng Hòa S.

3.5. Anh Lê Văn T1, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn D, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Chị N2, anh M, anh T, anh T1 ủy quyền cho bà N. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Mạc Thị N đồng thời là đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm chị Lê Thị N2, anh Lê Văn M, anh Lê Văn T và anh Lê Văn T1 trình bày:

Khoảng tháng 7 năm 2021, vợ chồng bà có cho em gái ruột của bà là bà Mạc Thị N1 vay số tiền 200.000.000 đồng, khi vay hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 10%/1 năm, thời hạn vay là 1 năm. Nguồn tiền cho vay là do vợ chồng bà vay của Ngân hàng N4 chi nhánh xã C. Vợ chồng bà vay tổng cộng 250.000.000 đồng lãi suất ngân hàng là 8.5%/năm, vợ chồng bà giữ lại 50.000.000 đồng còn cho bà N1 vay 200.000.000 đồng. Bà N1 nói vay tiền để cho con dâu làm ăn. Hết thời hạn cho vay, bà đã nhiều lần yêu cầu bà N1 trả nợ tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận nhưng bà N1 không trả. Bà N1 có viết giấy viết tay nhận của vợ chồng bà số tiền 200.000.000 đồng. Chồng bà là ông Lê Văn T2 chết ngày 22/10/2022 không để lại di chúc. Bà và ông T2 có 04 con là chị Lê Thị N2, anh Lê Văn T, anh Lê Văn T1, anh Lê Văn M. Bà và các con đã thống nhất ủy quyền cho bà khởi kiện ra Tòa án để buộc bà N1 phải thanh toán trả khoản tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 10%/năm như thỏa thuận khi vay kể từ ngày 01/8/2021 cho đến kết thúc phiên tòa xét xử sơ thẩm. Trường hợp không có căn cứ xác định bà N1 vay tiền của bà, bà đề nghị Tòa án buộc bà N1 phải trả cho bà và các con số tiền 200.000.000 đồng mà bà đã đưa cho bà N1.

- Bị đơn bà Mạc Thị N1 trình bày: Khoảng đầu năm 2021, tại địa phương rộ lên phong trào đầu tư tiền ảo qua mạng, lợi nhuận trả cho những người tham gia rất lớn nên rất nhiều người trong xã tham gia, trong đó có cả con cháu của bà. Bản thân bà cũng vay 300.000.000 đồng tại quỹ tín dụng nhân dân xã L để tham gia. Khi thấy lợi nhuận trả rất lớn, bà có nói với bà Mạc Thị N và bà Mạc Thị N3 (là 2 chị gái của bà) đều có hoàn cảnh cũng khó khăn nên nếu tham gia thì cũng có thể thu lợi nhuận cao trong thời gian ngắn rồi có thể rút dần gốc ra. Bà N và bà N3 đồng ý. Bà N3 tham gia trước và đưa cho con dâu bà là chị Phạm Thị H 300.000.000 đồng, bà N cũng vay ngân hàng và đưa cho bà số tiền 200.000.000 đồng để tham gia đầu tư tiền ảo. Thời gian đầu, người tham gia được trả lợi nhuận rất cao, bà N3 chỉ trong 2 tháng được trả 105.000.000 đồng tiền lãi nên bà mới bảo bà N tham gia. Nhưng khi bà N vừa chuyển tiền vào đầu tư thì bà nghe tin thông báo sập bệ sụp và ngừng giao dịch. Toàn bộ người tham gia đều biết bị lừa mất hết tiền. Bản thân gia đình bà cũng bị mất rất nhiều tiền. Nay bà N khởi kiện bà vay nợ bà N là không đúng. Bà có nhận của bà N 200.000.000 đồng nhưng là do bà N tự nguyện đưa cho bà để đầu tư tiền ảo trên mạng. Nay gặp phải rủi ro dẫn đến mất toàn bộ số tiền trên không phải mong muốn của ai nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị H trình bày: Chị xác định có nhận tiền của bà N thông qua mẹ chồng chị là bà N1. Sau khi nhận số tiền này, chị gửi vào tài khoản của bà Nguyễn Thị T3 ở thôn N, xã C lấy mã để giao dịch thay bà N. Tổng 8K tương ứng 200.000.000 đồng. Tiền lãi sẽ đổ vào mã

của bà T3. Bà N không được lập tài khoản để trực tiếp đầu tư mà khoản tiền bà N gửi mua lại mã của bà T3. Sau khi gửi tiền vào mã của bà T3, chị nghe tin thông báo sàn bị sập và ngừng giao dịch. Toàn bộ người tham gia đều biết bị lừa mất hết tiền. Bản thân gia đình chị cũng bị mất rất nhiều tiền. Chị xác định bà N không cho bà N1 vay mà gửi tiền để tham gia đầu tư tiền ảo, nay việc đầu tư có rủi ro thì bà N phải tự chịu trách nhiệm. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại biên bản đối chất ngày 22/6/2023, bà N, bà N1, chị H đều xác nhận việc bà N1 nhận của bà N số tiền 200.000.000 đồng, bà N không thừa nhận việc nhờ bà N1, chị H đầu tư tiền ảo; bà N1, chị H không thừa nhận việc bà N cho vay tiền mà xác định bà N đưa tiền cho mẹ con chị để nhờ đầu tư tiền ảo. Các đương sự đều không xuất trình thêm được căn cứ nào khác chứng minh cho lời khai của mình.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà N tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bị đơn bà N1 thanh toán khoản tiền lãi là 10%/1 năm mà chỉ yêu cầu bà N thanh toán trả số tiền gốc là 200.000.000 đồng, bà xác định bà N1 có nhận của bà số tiền 200.000.000 đồng, bà phủ nhận việc bà nhờ bà N1, chị H sử dụng số tiền này của bà để tham gia đầu tư tiền ảo như bà N1, chị H trình bày. Bị đơn bà N1, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định việc bà N chuyển tiền cho bà N1 là hoàn toàn tự nguyện để bà N1 đưa tiền cho chị H tham gia đầu tư tiền ảo. Đến nay, gặp rủi ro dẫn đến mất toàn bộ số tiền trên thì nguyên đơn phải tự chịu trách nhiệm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản tiền lãi, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án – chị Lê Thị N2, anh Lê Văn T hiện tại đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa Séc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương theo quy định tại Điều 26; Điều 37; Điều 39; Điều 464 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền lãi là 10%/năm từ ngày 01/8/2021 đến khi kết thúc phiên tòa xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết một phần

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền lãi theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Bà N, bà N1 đều xác nhận sự việc bà N1 có nhận của bà N số tiền 200.000.000 đồng, nguồn tiền là của vợ chồng bà Mạc Thị N, ông Lê Văn T2 vay tại Ngân hàng N4 – phòng G. Bà N1 có viết giấy biên nhận số tiền trên vào ngày 05/5/2022. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo nguyên đơn, nguồn tiền bà N1 vay là của vợ chồng bà Mạc Thị N và ông Lê Văn T2. Ông Lê Văn T2 chết ngày 22/10/2022 không để lại di chúc. Bà N và ông T2 có 04 con là chị Lê Thị N2, anh Lê Văn T, anh Lê Văn T1, anh Lê Văn M. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N2, anh T, anh T1, anh M đều có ý kiến thống nhất ủy quyền cho bà N khởi kiện yêu cầu bà N1 thanh toán trả toàn bộ số tiền 200.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận miệng giữa hai bên là 10%/năm kể từ ngày 01/8/2021 đến khi kết thúc phiên tòa xét xử sơ thẩm. Bà N1 không thừa nhận việc bà N cho vay tiền mà xác định bà N gửi tiền để tham gia đầu tư tiền ảo qua mạng. Bà N không xuất trình thêm được căn cứ nào khác chứng minh cho lời khai của mình do đó, không có căn cứ chấp nhận trình bày của bà N về việc cho bà N1 vay tiền.

[2.3] Bà N1 thừa nhận nhận của bà N số tiền 200.000.000 đồng do bà N nhờ mẹ con bà tham gia đầu tư tiền ảo. Bà N trình bày không có việc bà nhờ mẹ con bà N1 để đầu tư. Bà N1, chị H đều không xuất trình được căn cứ chứng minh việc bà N nhờ mẹ con chị đầu tư tiền ảo; quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thừa nhận bà N1 không có mã đầu tư tiền ảo. Việc nộp tiền vào tài khoản (mã tiền ảo) của bà T3 là quyết định của chính bà N1 và chị T3. Vì vậy, không có căn cứ xác định việc nộp tiền vào tài khoản tiền ảo của bà T3 được thực hiện theo ý chí của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định bà N1 hiện giữ 200.000.000 đồng của bà N1 theo giấy biên nhận do chính bà N1 viết ngày 5/5/2022 nên không có căn cứ xác định bà N1 đã thể hiện ý chí định đoạt số tiền này để đầu tư tiền ảo như trình bày của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên Bà N1 phải hoàn trả cho bà N và chị Lê Thị N2, anh Lê Văn T, anh Lê Văn T1, anh Lê Văn M số tiền 200.000.000 đồng đã nhận theo quy định tại các Điều 554, 556, 557 của Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 554, 555, 556,

557, 558, 559 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Mạc Thị N1 phải thanh toán số tiền lãi là 10%/năm kể từ ngày 01/8/2021 cho đến khi kết thúc phiên tòa xét xử sơ thẩm.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Mạc Thị N.

Buộc bà Mạc Thị N1 phải thanh toán trả cho bà Mạc Thị N, chị Lê Thị N2, anh Lê Văn T, anh Lê Văn T1, anh Lê Văn M số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) do bà Mạc Thị N đại diện nhận.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Bà Mạc Thị N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều: 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hải Bằng